**ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI**

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN**

**KHOA VIỆT NAM HỌC VÀ TIẾNG VIỆT**

**BỘ MÔN VIỆT NGỮ HỌC**

ĐỀ CƯƠNG MÔN HỌC

**NGỮ PHÁP TIẾNG VIỆT**

(Vietnamese Grammar)

**1. Thông tin về giảng viên**

**1.1. Giảng viên 1:**

Họ và tên: **Vũ Văn Thi**

Chức danh, học vị: Giảng viên chính, PGS. TS.

Thời gian làm việc: Thứ 2 & thứ 6 hàng tuần

Địa điểm làm việc: Nhà B7-Bis, Bách Khoa, Hai Bà Trưng, Hà Nội

Địa chỉ liên hệ: Khoa Việt Nam học & Tiếng Việt, B7-Bis, Bách

Khoa, Hai Bà Trưng, Hà Nội

Điện thoại: (+84) 8693524

Email: vuvanthi@yahoo.com

Các hướng nghiên cứu chính:

• Lịch sử tiếng Việt.

• Ngữ pháp tiếng Việt.

• Ngôn ngữ học dạy tiếng.

**1.2. Giảng viên 2:**

Họ và tên: **Nguyễn Chí Hòa**

Chức danh, học vị: Giảng viên chính, PGS.TS.

Thời gian làm việc: Thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần

Địa điểm làm việc: P602, Nhà E, Trường ĐHKHXH&NV, 336

Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội.

Địa chỉ liên hệ: P602, Nhà E, Trường ĐHKHXH&NV, 336, Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội.

Điện thoại: (+84) 8690049

Email: hoanc@vnu.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính:

• Ngữ pháp tiếng Việt.

• Ngôn ngữ học dạy tiếng.

**2. Thông tin chung về môn học:**

• Tên môn học: **Ngữ pháp tiếng Việt**

• Mã môn học: VLC3046

• Số tín chỉ: 03

• Môn học: Bắt buộc

• Các môn học tiên quyết: LIN2033

• Giờ tín chỉ đối với các hoạt động:

+ Nghe giảng lý thuyết: 31

+ Thực hành: 14

**+** Tự học:

• Địa chỉ Khoa/ bộ môn phụ trách môn học: Khoa Việt Nam học &Tiếng Việt, Trường ĐHKHXH&NV, B7-Bis, Bách Khoa, Hai Bà Trưng, Hà Nội.

**3. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của môn học:**

**3.1. Mục tiêu chung:**

Môn học nhằm trang bị cho học viên những kiến thức cơ bản về ngữ pháp tiếng Việt, về các địa hạt của ngữ pháp như:

+Từ loại và chức năng ngữ pháp của từ.

+ Từ pháp

+ Cú pháp

**3.2. Chuẩn đầu ra của môn học (Mục tiêu cụ thể):**

Học xong môn học này, sinh viên có được

1. **Về kiến thức**

+ Nắm đựơc tri thức cơ bản về Ng÷ ph¸p.

+ Nắm đựơc tri thức cơ bản về từ pháp trong tiếng Việt cụ thể là mối quan hệ giữa tiếng, từ ghép và đoản ngữ tiếng Việt.

+ Nắm đựơc tri thức cơ bản về cú pháp tiếng Việt như:

- Các kiểu câu đơn

- Các kiểu câu ghép

- Các kiểu câu phức

- Các phương tiện liên kết thành phần câu.

- Các phương tiện liên kết văn bản

+ Nắm đựơc tri thức cơ bản về từ loại trong tiếng Việt như:

- Danh từ và chức năng của danh từ.

- Động từ và các chức năng của động từ.

- Tính từ và chức năng của tính từ

- Đại từ trong tiếng Việt

- Số từ và các từ chỉ lượng

- Quan hệ từ

- Tiểu từ tình thái.

**b. Về kỹ năng:**

+ Nhận diện, phân loại và xác định được:

- Các yếu tố ngữ pháp

Tiếng, từ đơn, từ ghép, đoản ngữ trong tiếng Việt. Vai trò đặc biệt của yếu tố “tiếng” trong từ pháp tiếng Việt.

- Các kiểu câu trong tiếng Việt.

- Các cấu trúc cú pháp đặc biệt trong tiếng Việt.

- Từ loại: các loại từ, chức năng của mỗi loại từ.

+ Thiết kế được một đề cương nghiên cứu về một vấn đề nào đó về ngữ pháp tiếng Việt.

+ Thiết kế một phương án tối ưu trong việc giảng dạy ngữ pháp tiếng Việt cho người nước ngoài.

**c. Về thái độ:**

**+** Hình thành phương pháp học tập ngữ pháp ở bậc đại học theo phong cách của người nghiên cứu khoa học.

+ Hình thành thái độ khách quan, khoa học trong học tập và nghiên cứu khoa học trong ngôn ngữ học.

+ Hình thành nên sự yêu thích và mong muốn học hỏi, nghiên cứu về tiếng Việt.

+ Tự tin ở năng lực nghiên cứu khoa học của bản thân trong việc sử dụng tiếng Việt trong mọi lĩnh vực.

**3.3. Bảng tổng hợp chuẩn đầu ra của môn học** (Mục tiêu chi tiết):

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Mục tiêu**  **Nội dung** | **Bậc 1** | **Bậc 2** | **Bậc 3** |
| **Nội dung**  **1**  Tổng quan môn học | I.A.1. Nêu được các mục quan trọng nhất trong đề cương môn học  I.A.2. Viết lại được tổng quan môn học trong khoảng 150 từ | I.B.1. Xác định được kế hoạch học tập môn học theo đề cương môn học |  |
| **Nội dung**  **2**  Khái quát  về  ngữ pháp học | II.A.1. Nêu được các ND cơ bản của NPH.  II.A.2. Nêu được các khái niệm cơ bản của NP  II.A.3. Nêu được một số phạm trù NP cơ bản | II.B.1. Nắm vững các tiêu chí phân loại ý nghĩa ngữ pháp  II.B.2. Hiểu được tiêu chí xác định các hình thái ngữ pháp | II.C.1. Phân tích các tiêu chí phân loại loại hình ngôn ngữ.  II.C.2. Phân tích tiêu chí xác định các hình thái ngữ pháp. |
| **Nội dung**  **3**  Từ trong tiếng Việt | III.A.1. Nêu được các định nghĩa về từ trong ngôn ngữ học.  III.A.2. Nhận ra được các đặc điểm của từ trong tiếng Việt.  III.A.3. Nêu được các tiêu chí phân định từ trong TV. | III.B.1. Nắm chắc các đặc trưng của ngôn ngữ đơn lập.  III.B.2. Hiểu rõ những tiêu chí cơ bản xác định từ trong ngôn ngữ đơn lập. | III.C.1. Phân tích những khó khăn trong việc xác định đơn vị từ trong tiếng Việt. |
| **Nội dung**  **4**  Đơn vị  tiếng trong tiếng Việt | IV.A.1. Nêu được các đặc trưng cơ bản của tiếng.  IV.A.2. Nêu lên được vai trò của tiếng trong ngữ pháp tiếng Việt.  I.A.3. Liệt kê các loại tiếng | IV.B.1. Nắm vững đặc trưng hình vị của tiếng.  IV.B.2. Nắm vững khả năng cấu tạo từ của tiếng  IV.B.3. Xác định mối quan hệ giữa tiếng và từ đơn tiết. | IV.C.1. Đánh giá được sự ảnh hưởng mạnh mẽ của các yếu tố gốc Hán trong tiếng Việt.  IV.C.2. Phân tích vai trò của từ đơn và tiếng. |
| **Nội dung**  **5**  Phân loại  từ theo  cấu trúc  trong  tiếng Việt | V.A.1. Nêu được đặc điểm của từ đơn.  V.A.2. Nêu được đặc điểm chung của từ ghép tíếng Việt  V.A.3. Biết được các t.chí phân loại từ ghép | V.B.1. Xác định được các tiêu chí phân định từ đơn và từ ghép  V.B.2. Xác đinh được tiêu chí phân định từ ghép và cụm từ. | V.C.1. Phân tích các quan hệ về nghĩa trong từ ghép.  V.C.2. Phân tích mối quan hệ hình thái và nghĩa trong từ ghép và cụm từ. |
| **Nội dung**  **6**  Từ loại  và  chức năng của  từ loại. | VI.A.1. Nêu lên được một số khái niệm cơ bản về từ loại nói chung.  VI.A.2. Nêu lên được các loại từ loại cơ bản và chức năng của mỗi loại từ trong ngôn ngữ  VI.A.3. Nêu lên được những đặc điểm của từ loại trong tiếng Việt. | VI.B.1. Hiểu được các đặc điểm cơ bản của mỗi loại từ loại trong ngôn ngữ.  VI.B.2. Nắm rõ các chức năng ngôn ngữ của mỗi loại từ.  VI.B.3. Nắm chắc chức năng và hoạt động của từ loại trong tiếng Việt. | VI.C.1. Phân tích, đánh giá vai trò của từ loại trong hệ thống ngôn ngữ.  VI.C.2. Phân tích được những đặc điển riêng biệt của mỗi loại từ trong tiếng Việt. |
| **Nội dung**  **7**  Từ loại  danh từ trong  tiếng Việt. | VII.A.1. Liệt kê được các đặc trưng của danh từ tiếng Việt.  VII.A.2. Liệt kê được các tiểu loại danh từ.  VII.A.3. Liệt kê các hoạt động ngữ pháp của danh từ. | VII.B.1. Hiểu rõ những đặc trưng cơ bản của danh từ.  VI.B.2. Nắm vững những đặc trưng của các phạm trù ngữ pháp của danh từ. | VII.C.1. Phân tích mối quan hệ giữa danh từ và các loại từ khác.  VII.C.2. Phân tích sự chuyển hoá của danh từ sang các từ loại khác. |
| **Nội dung**  **8**  Từ loại  động từ trong  tiếng Việt | VIII.A.1. Liệt kê được các đặc trưng của động từ tiếng Việt.  VIII.A.2. Liệt kê được các tiểu loại động từ.  VIII.A.3. Liệt kê các hoạt động ngữ pháp của động từ. | VIIIB.1. Nắm được những đặc trưng cơ bản của động từ.  VIII.B.2. Hiểu rõ những đặc trưng của các phạm trù ngữ pháp của động từ. | VIII.C.1. Phân tích mối quan hệ giữa động từ và các loại từ khác.  VIII.C.2. Phân tích sự chuyển hoá của động từ sang các từ loại khác. |
| **Nội dung**  **9**  Tính từ  và các  loại từ  khác | IX.A.1. Liệt kê được các đặc trưng và hoạt động ngữ pháp của tính từ (TT).  IX.A.2. Liệt kê được đặc trưng và ý nghĩa ngữ pháp của các loại từ: đại từ (ĐT), phó từ (PT), quan hệ từ (QHT), trợ từ (Tr.t), thán từ (Th.t). | IX.B.1. Nắm được những đặc trưng ngữ pháp cơ bản của tính từ.  IX.B.2. Nắm chắc những đặc trưng ngữ pháp cơ bản của các loại từ loại khác: đại từ, phó từ, quan hệ từ, trợ từ, thán từ. | IX.C.1. Phân tích mqh giữa TT và các từ loại khác.  IX.BC2. Phân tích mqh giữa ĐT,PT với từ loại khác.  IX.C.3. Phân tích vai trò tạo lập thành phần câu của các QHT  IX.C.4. Phân tích nghĩa tình thái của các Tr.t, Th.t. |
| **Nội dung**  **10**  Đoản ngữ  và  đoản ngữ trong  tiếng Việt | X.A.1. Nêu được đặc điểm và các thành tố của đoản ngữ TV.  X.A.2. Nêu được các kiểu đoản ngữ và một số biến thể của đoản ngữ. | X.B.1. Trình bày được khái niệm đoản ngữ và đoản ngữ trong TV.  X.B.2. Trình bày được đặc điểm khác biệt giữa đoản ngữ với mệnh đề và tổ hợp từ tự do. | X.C.1. Phân tích những khả năng của đoản ngữ tiếng Việt trong việc tạo lập thành phần câu.  X.C.2. Phân tích sự biến dạng của đoản ngữ tiếng Việt. |
| **Nội dung**  **11**  Các loại đoản ngữ trong  tiếng Việt. | XI.A.1. Nhận biết được cấu trúc và đặc điểm của động ngữ (ĐN).  XI.A.2. Nhận biết được cấu trúc và đặc điểm của danh ngữ (DN).  XI.A.3. Nhận thức được cấu trúc và đặc điểm của tính ngữ. | XI.B.1. Trình bày được mối liên hệ (mlh) giữa trung tâm (TT) và các thành tố trong ĐN.  XI.B.2. Trình bày được mlh giữa TT và các thành tố trong DN.  XI.B.3. Trình bày được mlh giữa TT và các thành tố trong tính ngữ. | XI.C.1. Phân tích mlh giữa các thành tố trong ĐN.  XI.C.2. Phân tích mlh giữa các thành tố trong DN.  XI.C.3. Phân tích mối liên hệ giữa các thành tố trong tính ngữ. |
| **Nội dung**  **12**  Khái niệm câu  và  câu  trong  tiếng Việt | XII.A.1. Nêu được các định nghĩa cơ bản về câu.  XII.A.2. Nhớ được cấu tạo và các thành phần câu.  XII.A.3. Nêu được các phạm trù NP và hình thái học.  XII.A.4. Nêu được đặc điểm câu trong ngôn ngữ đơn lập và TV. | XII.B.1. Nắm được các nội dung cơ bản về câu.  XII.B.2. Hiểu được các thành phần cơ bản của câu, hình thái NP của từ trong câu.  XII.B.3. Nắm được các thành phần của câu tiếng Việt. | XII.C.1. Phân tích, so sánh các đặc điểm ngữ pháp của câu trong một số loại hình ngôn ngữ chính.  XII.C.2. Phân tích, xác định tính đặc thù của câu tiếng Việt. |
| **Nội dung**  **13**  Phân loại  câu  theo  cấu trúc | XIII.A.1. Nêu được đặc điểm cấu trúc câu đơn, mô hình các kiểu câu đơn (CĐ)  XIII.A.2. Nêu được đặc điểm của cấu trúc câu ghép, mô hình các kiểu câu ghép (CG).  XIII.A.3. Nêu được đặc điểm của câu phức, mô hình các kiểu câu phức (CPh). | XIII.B.1. Trình bày các thành phần CĐ, các kiểu CĐ.  XIII.B.2. Hiểu được thành phần CG, các kiểu kết cấu CG, các quan hệ từ cấu tạo CG.  XIII.B.3. Nắm được các thành phần CPh, các kiểu kết cấu CPh, các quan hệ từ cấu tạo CPh. | XIII.C.1. Phân tích đặc trưng câu đơn tiếng Việt.  XIII.C.2. Phân tích so sánh nét tương đồng và dị biệt của ba kiểu câu trong tiếng Việt. |
| **Nội dung**  **14**  Phân loại  câu  theo  mục đích  nói năng | XIV.A.1. Nêu được đặc điểm của câu tường thuật (CTT).  XIV.A.2. Nêu được đặc điểm và các loại câu nghi vấn CNV).  XIV.A.3. Nêu được đặc điểm của câu cầu khiến (CCK) và câu cảm than (CCT). | XIV.B.1. Nắm được các dạng câu tường thuật và câu nghi vấn.  XIV.B.2. Trình bày được các dạng câu cầu khiến.  XIV.B.3. Trình bày được các dạng câu cảm thán. | XIV.C.1. Phân tích các yếu tố cơ bản tạo lập CTT.  XIV.C.2. Phân tích ý nghĩa tình thái của các loại câu hỏi.  XIV.C.3. Phân tích ý nghĩa và phương tiện biểu hiện tình thái của CCK  XIV.C.4. Phân tích ý nghĩa và phương tiện cấu tạo CCT |
| **Nội dung**  **15**  Dấu câu  và vai trò của chúng | XV.A.1. Liệt kê các loại dấu câu.  XV.A.2. Nêu lên được ý nghĩa các loại dấu câu. | XV.B.1. Nắm được vai trò của dấu câu trong việc trình bày mạch lạc văn bản. | XV.C.1. Phân tích ngữ cảnh sử dụng dấu câu trong văn bản. |
| Ôn tập và thi hết môn. |  |  |  |

**4. Tóm tắt nội dung môn học**:

Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về ngữ pháp học và ngữ pháp tiếng Việt.

Về ngữ pháp học trang bị cho người học những kiến thứ cơ bản về ngữ pháp như: các khái niệm về từ, khái niệm từ loại, từ pháp và cú pháp. Đồng thời, cung cấp những khái niệm cơ bản về loại hình học và các hình ngôn ngữ trên thế giới.

Về ngữ pháp tiếng Việt, cung cấp những kiến thức cơ bản như: Các khái niệm cơ bản của ngữ pháp học tiếng Việt, vấn đề từ trong tiếng Việt, việc phân loại từ tiếng Việt, các từ loại và chức năng của mỗi loại từ loại tiếng Việt, các đoản ngữ và tổ chức đoản ngữ tiếng Việt, cú pháp tiếng Việt bao gồm các kiểu câu cơ bản: câu đơn, câu ghép, câu phức.

Ngoài ra, môn học còn cung cấp nội dung và việc sử dụng các loại dấu câu trong văn bản viết, tăng cường khả năng tạo lập văn bản cho người học.

**5. Nội dung chi tiết môn học.**

**5.1. Nội dung 1: Nhập môn, tổng quan môn học**

1. Nhập môn Ngữ pháp tiếng Việt.

2. Viết lại tổng quan môn học

3. Lập kế hoạch học tập môn học theo đề cương môn học

**5.2. Nội dung 2: Khái quát về ngữ pháp học**

1. Các nội dung cơ bản của ngữ pháp học.

2. Một số khái niệm cơ bản về ngữ pháp:

+ Phạm trù ngữ pháp và ý nghĩa ngữ pháp.

+ Hình vị - đơn vị ngữ pháp cơ bản.

+ Hình thái học.

+ Những phạm trù ngữ pháp cơ bản.

**5.3. Nội dung 3**: **Từ trong tiếng Việt.**

1.Khái niệm về từ.

2. Từ trong tiếng Việt:

+ Khái niệm hình vị trong tiếng Việt.

+ Khái niệm về cấu tạo từ và phân loại từ trong tiếng Việt.

+ Các tiêu chí xác định từ và từ trong tiếng Việt.

3. Tính điển hình và không điển hình của từ tiếng Việt.

**5.4. Nội dung 4: Đơn vị “tiếng” trong tiếng Việt.**

1. Ngôn ngữ đơn lập và yếu tố “tiếng”

2. Những đặc trưng cơ bản của tiếng.

3. Vai trò của tiếng trong cấu tạo từ tiếng Việt.

4. Tiếng và từ đơn tiết tiếng Việt.

5. Từ đa tiết và cụm từ trong tiếng Việt.

**5.5. Nội dung 5: Phân loại từ theo cấu trúc trong tiếng Việt.**

1. Những đặc điểm cơ bản của từ đơn

2. Những đặc điểm cơ bản của từ ghép.

3. Phân loại từ ghép:

+ Phân loại từ ghép theo số lượng thành tố trực tiếp.

+ Phân loại từ ghép theo quan hệ giữa các thành tố trực tiếp:

- Từ ghép nghĩa

- Từ ghép láy âm

- Từ ghép ngẫu hợp.

**5.6. Nội dung 6: Từ loại và chức năng của từ.**

1. Khái niệm về từ loại.

2. Các tiêu chí phân định từ loại tiếng Việt.

+ Tiêu chí

+ Tiêu chí khả năng kết hợp

+ Tiêu chí chức vụ cú pháp.

3. Các loại từ cơ bản trong tiếng Việt-về phương diện ngữ pháp:

+ Thực từ

+ Hư từ

+ Tình thái từ

**5.7. Nội dung 7: Từ loại danh từ tiếng Việt**

1. Đặc điểm cơ bản của danh từ tiếng Việt

2. Các loại danh từ:

+ danh từ cụ thể

+ Danh từ trừu tượng

3. Các tiểu loại danh từ:

+ Danh từ chỉ người

+ Danh từ chỉ đồ vật

+ Danh từ chỉ sinh vật (động thực vật)

+ Danh từ chỉ các phạm trù

+ Danh từ trống nghĩa)

+ Danh từ chỉ loại và đơn vị

+ Danh từ tổng hợp

4. Chức năng của mỗi tiểu loại danh từ

5. Khả năng kết hợp của danh từ - các chức vụ cú pháp

**5.8. Nội dung 8: Từ loại động từ trong tiếng Việt**

1. Đặc điểm của động từ tiếng Việt.

2. Phân loại động từ tiếng Việt:

+ Động từ nội động.

+ Động từ ngoại động

+ Động từ tình thái

+ Động từ vận động có hướng.

+ Động từ tổng hợp.

3. Khả năng kết hợp của động từ - các chức vụ cú pháp.

**5.9. Nội dung 9: Tính từ và các từ loại khác**

**Tính từ:**

1. Các đặc điểm tính từ tiếng Việt

2. Phân loại các tiểu loại tính từ

3. Khả năng kết hợp của tính từ

**Đại từ:**

1. Đặc điểm của đại từ tiếng Việt.

2. Đại từ và từ chỉ người

3. Khả năng kết hợp của đại từ

**Phó từ:**

1. Các đặc điểm phó từ tiếng Việt

2. Phân loại các tiểu loại phó từ

3. Khả năng kết hợp của phó từ

**Quan hệ từ:**

1. Các đặc điểm phó từ tiếng Việt

2. Phân loại các tiểu loại phó từ

3. Khả năng kết hợp của phó từ

**Trợ từ:**

1. Các đặc điểm trợ từ tiếng Việt

2. Khả năng kết hợp của trợ từ

**Thán từ:**

1. Các đặc điểm thán từ tiếng Việt

2. Phân loại các tiểu loại thán từ

3. Khả năng kết hợp của thán từ

**5.10. Nội dung 10: Đoản ngữ và đoản ngữ trong tiếng Việt**

1.Khái niệm đoản ngữ.

2. Các thành tố của đoản ngữ

3. Các loại đoản ngữ

4. Chức năng của đoản ngữ.

5. Đoản ngữ trong các ngôn ngữ đơn lập và tiếng Việt.

**5.11. Nội dung 11: Các loại đoản ngữ trong tiếng Việt.**

## 1. Động ngữ:

## + Trung tâm

+ Các thành tố phụ

## + Chức năng của động ngữ

**2. Danh ngữ**:

+ Trung tâm

+ Các thành tố phụ

+ Chức năng của danh ngữ

**3. Tính ngữ**:

+ Trung tâm

+ Các thành tố phụ

+ Chức năng của tính ngữ

**5.12. Nội dung 12: Khái niệm câu và câu trong tiếng Việt.**

1. Khái niệm câu

+ Các định nghĩa về câu

+ Các đặc điểm của câu

+ Cấu trúc câu

+ Các thành phần câu

2. Phạm trù ngữ pháp và hình thái học

3. Câu trong tiếng Việt

**5.13. Nội dung 13: Phân loại câu tiếng Việt theo cấu trúc.**

**1. Câu đơn**

Câu song phần

+ Câu đơn phần

+ Câu danh xưng

**2. Câu ghép**

+ Định nghĩa

+ Câu ghép liên hợp đẳng lập

+ Câu ghép liên hợp nghĩa

**3. Câu phức hợp**

+ Định nghĩa

+ Thành phần câu

+ Quan hệ nghĩa giữa các thành phần câu

**5.14. Nội dung 14: Phân loại câu theo mục đích nói năng**

1. Câu tường thuật

+ Đặc điểm câu tường thuật

+ Cấu trúc câu tường thuật

2. Câu nghi vấn

+ Đặc điểm

+ Cấu trúc câu nghi vấn

3. Câu cầu khiến

+ Đặc điểm

+ Cấu trúc câu nghi vấn

4. Câu cảm thán

+ Đặc điểm

+ Cấu trúc câu nghi vấn

**5.15. Nội dung 15: Dấu câu và vai trò của dấu câu.**

+ Các loại dấu câu.

+ Ý nghĩa của mỗi loại dấu câu

+ Cách dùng mỗi loại dấu câu.

+ Thực hành sử dụng các loại dấu câu

**- Ôn tập, chuẩn bị thi hết môn**

+ Ôn tập theo chỉ dẫn của giáo viên

+ Giải đáp thắc mắc

+ Định hướng nội dung cơ bản cho thi hết môn.

**6. Học liệu:**

**6.1. Học liệu bắt buộc:**

1. Đinh Văn Đức, Ngữ pháp tiếng Việt - Từ loại, Nxb, ĐH&THCN, Hà Nội, 1986.

2. Nguyễn Tài Cẩn, Ngữ pháp tiếng Việt: Tiếng - Từ ghép - Đoản ngữ, Nxb ĐH&THCN, Hà Nội, 1986.

3. Nguyễn Kim Thản, Nghiên cứu ngữ pháp tiếng Việt, Nxb Giáo dục, Hà Nội, 1997.

**6.2. Học liệu tham khảo:**

4. Nguyễn Đức Dân, Lô gích và Tiếng Việt, Nxb Giáo dục, 1998.

5. Nguyễn Hữu Quỳnh, Tiếng Việt hiện đại, Trung tâm biên soạn từ điển Bách khoa, Hà Nội, 1974.

6. Cao Xuân Hạo, Tiếng Việt - mấy vấn đề ngữ âm,ngữ pháp, ngữ nghĩa, Nxb Giáo dục, Hà Nội, 1998.

7. Nguyễn Minh Thuyết, Nguyễn Văn Hiệp, Thành phần câu tiếng Việt, Nxb ĐHQG, Hà Nội, 1998.

**7. Hình thức tổ chức dạy học**

**7.1. Lịch trình chung:**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung** | **Hình thức tổ chức dạy môn học** | | | | | **Tổng số giờ** |
| Lên lớp | | | Thực  tế | Tự  học |
| Lý  thuyết | Bài  tập | Thảo  luận |
| Tuần 1: Nội dung 1 | 2 |  |  |  |  |  |
| Tuần 2: Nội dung 2 | 2 | 1 |  |  |  |  |
| Tuần 3: Nội dung 3 | 2 | 1 |  |  |  |  |
| Tuần 4: Nội dung 4 | 2 | 1 |  |  |  |  |
| Tuần 5: Nội dung 5 | 2 | 1 |  |  |  |  |
| Tuần 6: Nội dung 6 | 2 | 1 |  |  |  |  |
| Tuần 7: Nội dung 7 | 2 | 1 |  |  |  |  |
| Tuần 8: Nội dung 8  &**Kiểm tra giữa kì** | 2  1 | 1 |  |  |  |  |
| Tuần 9: Nội dung 9 | 2 | 1 |  |  |  |  |
| Tuần 10: Nội dung 10 | 2 | 1 |  |  |  |  |
| Tuần 11: Nội dung 11 | 2 | 1 |  |  |  |  |
| Tuần 12: Nội dung 12 | 2 | 1 |  |  |  |  |
| Tuần 13: Nội dung 13 | 2 | 1 |  |  |  |  |
| Tuần 14: Nội dung 14 | 2 | 1 |  |  |  |  |
| Tuần 15: Nội dung 15  **&Ôn tập** | 2 | 1 |  |  |  |  |
| **Tổng số giờ tín chỉ** | **31** | **14** |  |  |  | **45** |
| **Tổng số giờ trên lớp** | **31** | **14** |  |  |  | **45** |

**7.2. Lịch trình tổ chức dạy học cụ thể:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức,tổ chức dạy học** | **Thời gian, địa điểm** | **Nội dung chính** | **Yêu cầu sinh viên**  **chuẩn bị** | **Ghi chú** |
|  |  | **Tuần 1** |  |  |
| Lý thuyết | 2 giờ trên lớp | **Nội dung 1**  - Nhập môn và tổng quan môn học (MH)  - Giới thiệu các bài tập lớn /học kỳ.  - Chia nhóm học tập | - Đọc ĐCMH  - Chuẩn bị kế hoạch học  tập môn học  - Chuẩn bị học liệu và câu hỏi GV.  - Chọn BT nhóm. |  |
| Tự học |  |  | - Chuẩn bị TL cần thiết cho các nội dung MH. |  |
| Tư vấn |  |  | - Gặp, trao đổi với GV khi có những v/đ CM.  - Đề xuất ý kiến thấy cần thiết. |  |
|  |  | **Tuần 2** |  |  |
| Lý thuyết | 2 giờ trên lớp | **Nội dung 2** | - Đọc TL theo hướng dẫn của GV. |  |
| Bài tập | 1 giờ trên lớp | - Giao BTCN tuần 2 | - Trao đổi nhóm về các nội dung đã học. |  |
| Tự học | ở nhà |  | Làm BTCN tuần 2 |  |
|  |  | **Tuần 3** |  |  |
| Lý thuyết | 2 giờ trên lớp | **Nội dung 3**  Giao bài tập (BT) | - Làm các BT ở nhà  - Chuẩn bị các câu hỏi để hỏi GV  - Đọc TLTK. |  |
| Bài tập | 1 giờ trên lớp | Giao BTCN tuần 3 | - Đọc TLTK  - Nộp BTCN tuần 2 |  |
| Tự học | ở nhà |  | - Làm BTCN tuần 3 |  |
|  |  | **Tuần 4** |  |  |
| Lý thuyết | 2 giờ trên lớp | **Nội dung 4** | - Đọc TLtheo hướng dẫn của giáo viên. |  |
| Bài tập | 1 giờ trên lớp | Giao BTCN tuần 4 | - Làm BTCN tuần 4  - Trao đổi về vai trò của đơn vị tiếng trong TV. |  |
| Tự học | ở nhà |  | - Nộp BTCN tuần 3 |  |
|  |  | **Tuần 5** |  |  |
| Lý thuyết | 2 giờ trên lớp | **Nội dung 5** | Đọc TL theo hướng dẫn của giáo viên. |  |
| Bài tập | 1 giờ trên lớp | Giao BTCN tuần 5 | - Làm BTCN tuần 5  - Chọn một nghiên cứu 1 v/đ về từ TV. |  |
| Tự học | ở nhà |  | - Nộp BTCN tuần 4 |  |
|  |  | **Tuần 6** |  |  |
| Lý thuyết | 2 giờ trên lớp | **Nội dung 6** | Đọc TL theo hướng dẫn của giáo viên. |  |
| Bài tập | 1 giờ trên lớp | - Giao BTCN tuần 6  - Trao đổi về sự khác biệt giữa TV trung đại và TV hiện đại. | - Làm BTCN tuần 6  - Chuẩn bị nội dung, câu hỏi trao đổi.  - Nộp BTCN tuần 5 |  |
| Tự học |  |  | Chọn và đọc 2 bài trong Tạp chí Ngôn Ngữ |  |
|  |  | **Tuần 7** |  |  |
| Lý thuyết | 2 giờ trên lớp | **Nội dung 7** | Đọc TL theo hướng dẫn của giáo viên. |  |
| Bài tập | 1 giờ trên lớp | - Giao BTCN tuần 7 | - Tìm đọc một TL về danh từ TV  - Nộp BTCN tuần 6 |  |
| Thảo luận |  | - Trao đổi về sự khác biệt giữa các vùng phương ngữ của TV | Chuẩn bị ý kiến hỏi GV về các nội dung đã học. |  |
| Tự học | ở nhà |  | Làm BTCN tuần 7 |  |
|  |  | **Tuần 8** |  |  |
| Lý thuyết | 2 giờ trên lớp | **Nội dung 8** | Đọc TL theo hướng dẫn của giáo viên. |  |
| Bài tập | 1 giờ trên lớp | Thu BTCN tuần 7 | - Chọn một văn bản (600 từ ) liệt kê các động từ  - Nộp BTCN tuần 7 |  |
| Tự học | ở nhà |  | Chọn đọc 3 TL về từ Hán -Việt. |  |
| KT-ĐG | 1 giờ ở lớp | **Kiểm tra giữa kì** |  |  |
|  |  | **Tuần 9** |  |  |
| Lý thuyết | 2 giờ trên lớp | **Nội dung 9** | Đọc TL theo hướng dẫn của giáo viên. |  |
| Bài tập | 1 giờ trên lớp | - Giao BTCN tuần 8  - Giao bài tập nhóm | Làm BT tại lớp theo hướng dẫn của GV |  |
| Tự học |  |  | Chọn một văn bản (600 từ), phân loại các tính từ |  |
|  |  | **Tuần 10** |  |  |
| Lý thuyết | 2 giờ trên lớp | **Nội dung 10** | Đọc TL theo hướng dẫn của giáo viên. |  |
| Bài tập | 1 giờ trên lớp | - Giao BTCN tuần 9  - Hướng dẫn đọc TL tham khảo | - Đọc, tóm tắt ý chính TLTK theo hướng dẫn của giáo viên.  - Chuẩn bị các câu hỏi để hỏi giảng viên |  |
| Thảo luận |  | Trao đổi về đoản ngữ hội thoại TV | Chuẩn bị nội dung và câu hỏi để trao đổi |  |
| Tự học | ở nhà,  thư viện |  | - Nộp BTCN tuần 8  - Làm BTCN tuần 9 |  |
|  |  | **Tuần 11** |  |  |
| Lý thuyết | 2 giờ trên lớp | **Nội dung 11** | Đọc TL theo hướng dẫn của giáo viên. |  |
| Bài tập | 1 giờ trên lớp | Giao BTCN tuần 10 | Làm BT tại lớp theo gợi ý của giáo viên. |  |
| Thảo luận |  | Trao đổi về cấu trúc một đoản ngữ đầy đủ thành phần. | Chuẩn bị nội dung và câu hỏi để trao đổi |  |
| Tự học | ở nhà,  thư viện |  | - Nộp BTCN tuần 9  - Làm BTCN tuần 10. |  |
|  |  | **Tuần 12** |  |  |
| Lý thuyết | 2 giờ trên lớp | **Nội dung 12** | Đọc TL theo hướng dẫn của giáo viên. |  |
| Bài tập | 1 giờ trên lớp | Giao BTCN tuần 11 | Làm BT tại lớp theo gợi ý của giáo viên. |  |
| Tự học | ở nhà,  thư viện |  | - Nộp BTCN tuần 10  - Làm BTCN tuần11 |  |
|  |  | **Tuần 13** |  |  |
| Lý thuyết | 2 giờ trên lớp | **Nội dung 13** | Đọc TLtheo hướng dẫn của giáo viên. |  |
| Bài tập | 1 giờ trên lớp | Giao BTCN tuần 12 | Làm BT tại lớp theo gợi ý của giáo viên. |  |
| Tự học | ở nhà,  thư viện |  | - Nộp BTCN tuần 11  -Làm BTCN tuần 12 |  |
|  |  | **Tuần 14** |  |  |
| Lý thuyết | 2 giờ trên lớp | **Nội dung 14**  Giao BTCN tuần 13 | Đọc TL theo hướng dẫn của giáo viên |  |
| Bài tập | 1 giờ trên lớp | Thu BTCN 12. | Làm BT tại lớp theo gợi ý của giáo viên. |  |
| Tự học | ở nhà,  thư viện |  | - Nộp BTCN tuần 12  - Làm BTCN 13 |  |
|  |  | **Tuần 15** |  |  |
| Lý thuyết | 2 giờ trên lớp | **Nội dung 15**  - Trao đổi, giải đáp các câu hỏi về các nội dung môn học  - Ôn tập các nội dung chuẩn bị thi hết môn  - Hướng dẫn sinh viên ôn tập ở nhà. | - Các nhóm họp, trao đổi và phân công người báo cáo kết quả đọc tài liệu đã được phân công.  - Hỏi, đối thoại, tranh luận về nội dung MH. |  |
| Bài tập | 1 giờ trên lớp | Đánh giá BTCN tuần 13 | - Làm các BT, chuẩn bị thi hết môn |  |
| Tự học | ở nhà |  | Tự ôn tập để thi hết môn |  |

**8. Chính sách đối với môn học:**

**•** Thực hiện đầy đủ nhiệm vụ của môn học được ghi trong đề cương môn học.

**•** Các bài tập phải nộp đúng hạn, có thể làm lại nếu muốn điểm cao hơn

**•** Đi học đầy đủ (nghỉ không quá 20% tổng số giờ)

**•** Chuẩn bị bài trước khi đến lớp theo hướng dẫn trong đề cương môn học.

**9. Phương pháp, hình thức kiểm tra, đánh giá kết quả học tập môn học:**

**9.1. Mục đích và trọng số kiểm tra:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức** | **Tính chất của nội dung kiểm tra** | **Mục đích kiểm tra** | **Trọng số** |
| Đánh giá  thường xuyên | Các vấn đề lí thuyết | Đánh giá khả năng nhớ và phản xạ trí tuệ | **5%** |
| Bài tập  cá nhân | Một số vấn đề lí thuyết, vận dụng lý thuyết vào thực tiễn NCKH | Đánh giá ý thức học tập thường xuyên và kĩ năng làm việc độc lập, tự học, tự nghiên cứu | **10%** |
| Bài tập  nhóm | Chủ yếu về thực hành và ứng dụng thực tiễn | Đánh giá kĩ năng hợp tác trong công việc, tinh thần trách nhiệm chung với nhóm. | **10%** |
| Bài tập lớn | Kết hợp lí luận và ứng dụng thực tiễn | Đánh giá kĩ năng nghiên cứu độc lập và kĩ năng trình bày | **10%** |
| Bài kiểm tra  giữa kỳ | Kết hợp lí luận và ứng dụng thực tiễn | Đánh giá khả năng nhớ và hiểu vấn đề | **15%** |
| Bài thi  hết môn | Kết hợp lí luận và khả năng ứng dụng | Đánh giá khả năng hiểu và trình bày vấn đề, khả năng ứng dụng vào nghiên cứu | **50%** |

9.2. Tiêu chí đánh giá các loại bài tập và kiểm tra đánh giá:

**9.2.1. Bài tập viết cá nhân/tuần:** Loại bài tập này thường dùng để kiểm tra sự chuẩn bị, tự nghiên cứu của sinh viên về một vấn đề không lớn nhưng trọn vẹn. Các tiêu chí đánh giá các loại bài tập này có thể bao gồm:

**a. Nội dung:**

1. Xác định vấn đề nghiên cứu, nhiệm vụ nghiên cứu rõ ràng, hợp lí.

2. Thể hiện kĩ năng phân tích, tổng hợp trong việc giải quyết các nhiệm vụ nghiên cứu.

3. Có bằng chứng về việc sử dụng các tài liệu do GV hướng dẫn.

**b. Hình thức:**

4. Ngôn ngữ trong sáng, trích dẫn hợp lệ, không dài quá so với qui định của giảng viên (Ví dụ: không dài quá 1 trang A4). Ngoài ra, tuỳ loại vấn đề mà giảng viên có thể có các tiêu chí đánh giá riêng.

**9.2.2. Loại bài tập nhóm/tháng:** Do yêu cầu đặc thù của loại bài tập này nên tiêu chí đánh giá bài tập nhóm tháng có thể được thể hiện qua báo cáo mà nhóm phải thực hiện theo mẫu sau:

Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn

Khoa Khoa Tiếng Việt và Văn hoá Việt Nam cho người nước ngoài.

BÁO CÁO KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU THEO NHÓM

Vấn đề nghiên cứu:…………………………….

1. Danh sách nhóm và các nhiệm vụ được phân công.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Họ và tên** | **Nhiệm vụ được phân công** | **Ghi chú** |
| 1 | Nguyễn Văn A |  | Nhóm trưởng |
| 2 | ... | ... |  |
| 3 | … | … |  |

2. Quá trình làm việc của nhóm (miêu tả các buổi họp, có biên bản kèm theo).

3. Tổng hợp kết quả làm việc nhóm.

4. Kiến nghị, đề xuất (nếu có).

Nhóm trưởng

*(Kí tên)*

**9.2.3. Loại bài tập lớn:**

**• Các tiêu chí chung đánh giá:**

a. Nội dung:

1. Đặt vấn đề, xác định đối tượng nghiên cứu, nhiệm vụ nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu hợp lí và lôgíc.

2. Có bằng chứng rõ rệt về năng lực tư duy phê phán, kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá trong việc giải quyết các nhiệm vụ nghiên cứu.

3. Có bằng chứng về việc sử dụng các tài liệu, các công nghệ, phương pháp, giải pháp do giảng viên hướng dẫn.

b. Hình thức:

4. Bố cục hợp lí, ngôn ngữ trong sáng, trích dẫn hợp lệ, trình bày đẹp đúng qui cách.

**• Biểu điểm trên cơ sở mức độ đạt 4 tiêu chí:**

**- Điểm 9-10:** Đạt cả 4 tiêu chí

**- Điểm 7-8:**  Đạt 2 tiêu chí đầu; tiêu chí 3 chưa đầy đủ; tiêu chí 4 còn

mắc lỗi.

**- Điểm 5-6:** Đạt tiêu chí 1; tiêu chí 2 chưa giải quyết trọn vẹn; tiêu

chí 3&4 còn mắc lỗi nhỏ.

**- Điểm dưới 5:** Không đạt cả 4 tiêu chí.

**9.3. Lịch thi, kiểm tra (kể cả thi lại):**

- Lịch kiểm tra giữa kỳ: tuần 8 của học kỳ

- Lịch kiểm tra cuối kỳ: theo thông báo của Phòng đào tạo

- Lịch thi lại: theo thông báo của Phòng đào tạo

Hà Nội, ngày 26 tháng 6 năm 2013

**Duyệt Chủ nhiệm bộ môn Giảng viên**

(Thủ trưởng đơn vị đào tạo) (Ký tên) (Ký tên)